Unit 17: How much is the T-shirt?

Phonics (trang 68 SBT Tiếng Anh 4)

1. Look at the words...(Nhìn vào những từ sau và trọng âm của chúng. Đọc to những từ đó)

1. 'yellow /ˈjɛləʊ/

2. 'sixty /ˈsɪksti/

3. 'trousers /ˈtraʊzəz/

4. 'fifty /ˈfɪfti/

5. 'jumper /ˈdʒʌmpə/

6. 'jacket /ˈdʒakɪt/

7. 'eighty /ˈeɪti/

8. 'orange /ˈɒrɪn(d)ʒ/

9. 'purple /ˈpəːp(ə)l/

10. 'thousand /ˈθaʊz(ə)nd/

2. Complete with the words...(Hoàn thành với những từ trên và đọc to những câu sau)

1. jacket

2. purple jumper

3. orange trousers

Hướng dẫn dịch:

1. Chiếc áo khoác màu vàng là 50 ngàn đồng

2. Chiếc áo ngoài chui đầu màu tím là 60 ngàn đồng

3. Chiếc quần cam là 80 ngàn đồng

Vocabulary (trang 68-69 SBT Tiếng Anh 4)

1. Write the clothes that Mai and Nam are wearing. (Viết ra những quần áo mà Mai và Nam đang mặc)

a	b
1. a red scarf	1. a red scarf
2. a white blouse	2. a green jumper
3. a blue skirt	3. blue jeans
4. black sandals	4. brown shoes

2. Write the prices in words. (Viết giá tiền bằng từ)

1. It’s sixty thousand dong.

2. It's forty-three thousand dong

3. It's thirty-seven thousand dong

4. They're eighty-nine thousand dong

5. They're ninety-eight thousand dong

6. They're ninety-five thousand dong

Sentence patterns (trang 69 SBT Tiếng Anh 4)

1. Read and match. (Đọc và nối)

1. d 2. a 3. b 4. c

2. Complete and read aloud. (Hoàn thành và đọc to)

1. What colour is

2. What colour are

3. How much is it?

4. How much are

Hướng dẫn dịch:

1. Quan: Chiếc áo phông mới của bạn màu gì?

Nam: Nó màu vàng.

2. Nam: Chiếc quần của bạn màu gì?

Phong: Nó màu nâu.

3. Nam: Hãy mua một cái áo mới! Cái này đẹp thật. Nó có giá bao nhiêu?

Mai: Nó giá 79.000 đồng.

4. Mai: Đôi giày này bao nhiêu tiền?

Người bán hàng: Chúng giá 87000 đồng.

Speaking (trang 70 SBT Tiếng Anh 4)

1. Read and ask the questions. (Đọc và hỏi những câu hỏi)

a. Is your T-shirt new?

b. Can I have a look at the jumper?

c. How much is the/that cap?

d. How much are the/ these jeans?

Hướng dẫn dịch:

a. Chiếc áo phông của bạn là mới hả?

b. Cháu có thể xem cái áo chui đầu kia không ạ?

c. Cai mũ kia bao nhiêu ạ?

d. Chiếc quần jean này giá bao nhiêu ạ?

2.Ask and answer the questions above. (Hỏi và trả lời những câu hỏi trên)

Reading (trang 70 SBT Tiếng Anh 4)

1. Read and complete. (Đọc và hoàn thành)

1. wears

2. T-shirt

3. sandals

4. pair

5. clothes

Hướng dẫn dịch:

Nam mặc những bộ quần áo khác nhay khi đến trường. Vào ngày nóng, anh ấy thường đội mũ lưỡi trai màu xanh, 1 cái khăn đỏ, 1 áo phông trắng, 1 chiếc quần xanh dương và 1 đôi xăng đan. Vào ngày lạnh, anh ấy đội 1 cái mũ trai, đeo 1 cái khăn đỏ và 1 chiếc áo jacket màu vàng ngoài 1 chiếc áo chui đầu màu nâu và 1 đôi giày đen. Nam thích những ngày nóng vì anh ấy có thể mặc những quần áo nhẹ đi học

2. Read the text...(Đọc bài viết trên và đánh dấu Đúng hoặc Sai)

1. F 2. T 3. T 4. F 5. T

Writing (trang 71 SBT Tiếng Anh 4)

1. Look and write. (Nhìn và viết)

1. The white blouse is thirty-seven thousand dong.

2. The orange jumper is eighty-five thousand dong

3. The blue jeans are ninety-two thousand dong

4. The brown sandals are ninety-five thousand dong

Hướng dẫn dịch:

1. Chiếc áo blu màu trắng có giá 37 ngàn đồng

2. Chiếc áo khoác ngoài 85 ngàn đồng

3. Chiếc quần jean màu xanh 92 ngàn đồng

4. Đôi xăng đan nâu giá 95 ngàn đồng

2. Write three pairs...(Viết 3 cặp câu về quần áo bạn đang mặc)

1. I am wearing a pair of shoes. It is black.

2. I am wearing a hat. It is pink.

3. I am wearing a jacket. It is blue.

3. Write about what you wear at home and at school. (Viết về những gì bạn mặc ở nhà và ở trường)

1. On hot days, I wear shorts and T-shirt.

2. On cold days, I wear jumper.

3. I wear short-sleeved shirt, pants and sandals at school on hot days.

4. I wear jacket at school on cold days.